

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân
tham gia hoạt động xây dựng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 59/CP);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn về năng lực hoạt động xây dựng, gồm: năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân; năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức; công bố thông tin về năng lực hoạt động xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Mã số chứng chỉ hành nghề: là dãy số có 08 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân (sau đây viết tắt là chứng chỉ hành nghề). Mã số chứng chỉ hành nghề do Bộ Xây dựng thống nhất cấp và quản lý. Mỗi cá nhân tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu theo quy định của Thông tư này được cấp một Mã số chứng chỉ hành nghề. Mã số chứng chỉ hành nghề không thay đổi khi cá nhân đề nghị cấp lại; điều chỉnh hoặc bổ sung chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

2. Mã số chứng chỉ năng lực: là dãy số có 08 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức (sau đây viết tắt là chứng chỉ năng lực). Mã số chứng chỉ năng lực do Bộ Xây dựng thống nhất cấp và quản lý. Mỗi tổ chức tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ năng lực lần đầu

theo quy định của Thông tư này được cấp một Mã số chứng chỉ năng lực. Mã số chứng chỉ năng lực không thay đổi khi tổ chức đề nghị cấp lại; điều chỉnh hoặc bổ sung chứng chỉ năng lực đã được cấp.

Điều 3. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Xây dựng năm 2014 phải có chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực sau đây:

a) Khảo sát xây dựng gồm khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; địa chất thủy văn.

b) Thiết kế quy hoạch xây dựng.

c) Thiết kế xây dựng công trình gồm thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình; thiết kế điện - cơ điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình xây dựng.

d) Giám sát thi công xây dựng gồm: giám sát công tác xây dựng công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ.

đ) Kiểm định xây dựng.

e) Định giá xây dựng.

2. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đối với một hoặc nhiều lĩnh vực khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

3. Điều kiện năng lực đối với cá nhân phụ trách công tác an toàn lao động hoặc làm cán bộ chuyên trách về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình tuân thủ quy định của pháp luật về An toàn, vệ sinh lao động.

Điều 4. Mẫu chứng chỉ hành nghề

1. Chứng chỉ hành nghề là loại bìa có màu vàng nhạt, kích thước 15x21cm. Quy cách và nội dung chủ yếu của chứng chỉ hành nghề quy định tại Khoản 3 Điều này, theo mẫu tại Phụ lục số 05 Thông tư này.

2. Quản lý số chứng chỉ hành nghề:

Số chứng chỉ hành nghề gồm 02 nhóm ký hiệu, được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), quy định như sau:

a) Nhóm thứ nhất: có 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục số 07 Thông tư này;

b) Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ hành nghề.

3. Nội dung chủ yếu của chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin cơ bản của cá nhân được cấp chứng chỉ: ảnh cỡ 4x6cm, họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân (thẻ căn cước hoặc hộ chiếu);

b) Tên cơ quan cấp, chữ ký và đóng dấu;

- c) Trình độ chuyên môn được đào tạo, hệ đào tạo, cơ sở đào tạo;
- d) Lĩnh vực hành nghề, loại công trình (nếu có), hạng và thời hạn hành nghề đối với từng lĩnh vực được cấp.

Điều 5. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề gồm:

1. Cục Quản lý hoạt động xây dựng thuộc Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng I.
 2. Sở Xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III:
 - a) Đối với cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong tổ chức có địa chỉ trụ sở chính tại địa phương;
 - b) Đối với cá nhân hoạt động xây dựng độc lập có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký cư trú tại địa phương.
 3. Tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến hoạt động xây dựng có phạm vi hoạt động trong cả nước được xem xét cấp chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân là thành viên của mình khi đáp ứng được các yêu cầu sau:
 - a) Đủ điều kiện thành lập Hội đồng sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề (sau đây viết tắt là Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề) theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.
 - b) Có quy chế hoạt động của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề và quy chế sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề đảm bảo theo quy định.
 - c) Đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ sát hạch theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư này.
 - d) Có đơn đề nghị công nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư này kèm theo bản sao hồ sơ, giấy tờ chứng minh các điều kiện quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản này gửi về Bộ Xây dựng để được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề. Thời gian xem xét và quyết định công nhận không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.
- Quyết định công nhận Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 09 Thông tư này.
4. Trường hợp cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề với các hạng khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hạng cao nhất chủ trì thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân đó.
 5. Thời hạn hành nghề tương ứng với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng của cá nhân là 05 năm. Khi hết thời hạn, cá nhân có nhu cầu hoạt động xây dựng làm thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề theo quy định của Thông tư này.

Điều 6. Nguyên tắc xác định chuyên môn phù hợp và thời gian kinh nghiệm nghề nghiệp xét cấp chứng chỉ hành nghề

Việc xác định chuyên môn được đào tạo và thời gian kinh nghiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định 59/CP để làm cơ sở xét cấp chứng chỉ hành nghề do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xác định và thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chuyên môn được đào tạo của cá nhân xác định là phù hợp khi chuyên ngành hoặc nội dung chương trình đào tạo của cá nhân đó phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được quy định cụ thể tại Điều 16 Thông tư này.

2. Thời gian kinh nghiệm của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là tổng thời gian cá nhân chính thức tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Đối với cá nhân chưa có đủ thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng theo quy định kể từ ngày tốt nghiệp đại học nhưng trước đó đã có bằng cao đẳng hoặc trung cấp và đã tham gia hoạt động xây dựng thì thời gian kinh nghiệm được tính bằng tổng thời gian cá nhân đó tham gia hoạt động xây dựng từ khi tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp để xét cấp chứng chỉ hành nghề hạng II và hạng III.

4. Đối với cá nhân đã làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thì thời gian và kinh nghiệm là tổng thời gian và kinh nghiệm cá nhân đó đã tham gia thực hiện các công việc quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Điều 7. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề

1. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Thông tư này (sau đây viết tắt là Cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề) quyết định thành lập:

a) Tùy thuộc vào lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề, thủ trưởng Cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề quyết định thành phần, cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên của Hội đồng cho phù hợp, trong đó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của Cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề, Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của cơ quan này.

b) Các ủy viên khác tham gia Hội đồng là những công chức, viên chức có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề và các chuyên gia có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề do Chủ tịch Hội đồng mời.

2. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này do người đứng đầu Tổ chức xã hội nghề nghiệp quyết định thành lập, có cơ cấu tổ chức và số lượng thành viên phù hợp với lĩnh vực xét cấp chứng chỉ hành nghề, trong đó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo và các ủy viên Hội đồng là Hội viên của Tổ chức xã hội nghề nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập Bộ phận sát hạch giúp việc cho Hội đồng. Bộ phận sát hạch gồm có Tổ trưởng là thành viên của Hội đồng, các thành viên khác là công chức, viên chức của Cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề hoặc Hội viên của Tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với cơ quan cấp chứng chỉ là Tổ chức xã hội nghề nghiệp.

4. Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, làm việc theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng quyết định phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều này.

5. Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề và Quy chế sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề do Bộ Xây dựng ban hành công khai trên trang thông tin điện tử.

Điều 8. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề

1. Việc sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm.

2. Đề sát hạch bao gồm 15 câu hỏi về kiến thức chuyên môn và 10 câu hỏi về kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được lấy ngẫu nhiên từ bộ câu hỏi trắc nghiệm quy định tại Khoản 4 Điều này. Thời gian sát hạch tối đa là 30 phút.

3. Số điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 100 điểm, trong đó điểm tối đa cho phần kiến thức chuyên môn là 60 điểm, điểm tối đa cho phần kiến thức pháp luật là 40 điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch từ 80 điểm trở lên mới đạt yêu cầu để xem xét cấp chứng chỉ hành nghề.

Trường hợp cá nhân được miễn sát hạch về kiến thức chuyên môn thì kết quả sát hạch về kiến thức pháp luật phải đạt số điểm từ 32 điểm trở lên.

4. Bộ câu hỏi trắc nghiệm và hướng dẫn về cơ sở vật chất phục vụ sát hạch do Bộ Xây dựng ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử.

Điều 9. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

1. Các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định 59/CP được tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng cho cá nhân có nhu cầu.

2. Việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phải bám sát chương trình khung về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các lĩnh vực liên quan đến nội dung hoạt động xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành.

Điều 10. Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức

1. Tổ chức phải có chứng chỉ năng lực khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực sau đây:

a) Khảo sát xây dựng gồm: khảo sát địa hình; khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình.

b) Lập quy hoạch xây dựng.

c) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng gồm: thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình; thiết kế điện - cơ điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng.

d) Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng.

đ) Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

e) Thi công xây dựng công trình.